

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2020/HNGĐ-PT
Ngày 16 - 11 - 2020
V/v Ly hôn, con chung, giữa Chị
H và anh Nam.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lại Văn Tùng

Các Thẩm phán: Bà Vũ Thị Mai Hương

Bà Vũ Thị Thu

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Ngọc Tiền - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa:

Bà Trần Thị Thúy Nga - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 11 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 14/2020/TLPT-HNGĐ ngày 15-10-2020 về Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn.

Do bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 22/2020/HNGĐ-ST ngày 23-6-2020 của Tòa án nhân dân huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 136/2020/QĐ-PT ngày 30 tháng 10 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Phạm Thị H, sinh năm 1989; Địa chỉ: Xóm C, xã Y, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định;

- *Bị đơn:* Anh Đỗ Công N, sinh năm 1984; Địa chỉ: Xóm C, xã Y, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định.

- *Người kháng cáo:* Anh Đỗ Công N là bị đơn trong vụ án

Tại phiên tòa phúc thẩm: Chị H, anh N có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và tại các buổi làm việc tại Tòa án, nguyên đơn chị Phạm Thị H trình bày:

Chị kết hôn với anh Đỗ Công N vào ngày 05-01-2007, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Yên Tiến, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định; trên cơ sở tự do

tìm hiểu, tự nguyện kết hôn. Sau khi kết hôn, cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được thời gian, cách đây khoảng hai năm thì vợ chồng hay xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do hai bên không tìm được tiếng nói chung, thường xuyên bất đồng quan điểm dẫn đến cuộc sống vợ chồng xảy ra va chạm, cãi chửi nhau. Anh N thường xuyên rượu chè rồi về đánh đập vợ con. Vợ chồng chị sống ly thân từ tháng 01 năm 2020 đến nay đã chấm dứt mọi quan hệ tình cảm. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không hạnh phúc nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đỗ Công N.

Về con chung: Chị và anh N có ba con chung, cháu Đỗ Thị Quỳnh C, sinh ngày 13-11-2007; cháu Đỗ Duy Đ, sinh ngày 02-9-2009 và cháu Đỗ Quỳnh Tr, sinh ngày 14-4-2015. Khi ly hôn nguyện vọng của Chị H xin được nuôi dưỡng cháu Chi và cháu Trâm, chị nhường quyền nuôi dưỡng cháu Đăng cho anh N trực tiếp nuôi dưỡng. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con chị yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung, nợ chung và các vấn đề khác trong quan hệ hôn nhân: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại bản tự khai ngày 05-3-2020 và các buổi làm việc tại Tòa án, bị đơn anh Đỗ Công N trình bày:

Về thời gian và điều kiện kết hôn phù hợp với lời khai của Chị H. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 5 đến 6 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu là do anh có đi chơi bời, uống rượu với bạn bè, hay về muộn dẫn đến vợ chồng mâu thuẫn, xích mích. Giữa anh và Chị H hay xảy ra va chạm, cãi chửi nhau, anh nói nhỏ thì Chị H quát to, Chị H còn chửi bậy. Trong quá trình chung sống Chị H đã nhiều lần bỏ nhà đi, giữa anh và Chị H đã chấm dứt quan hệ vợ chồng từ tháng 01 năm 2020 (âm lịch) đến nay. Khi biết Chị H muốn ly hôn, anh đã níu kéo để vợ chồng về đoàn tụ. Anh xác định vẫn còn thương yêu Chị H và muốn Chị H quay về đoàn tụ nên anh không đồng ý ly hôn. Trường hợp Chị H kiên quyết xin ly hôn, anh vẫn không đồng ý ly hôn, đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Anh và Chị H có ba con chung, họ tên và ngày tháng năm sinh của các con chung đúng như Chị H đã trình bày. Anh không muốn ly hôn, trong trường hợp Chị H kiên quyết ly hôn anh có nguyện vọng nuôi cháu Đ và cháu Tr, để Chị H nuôi dưỡng cháu C. Anh không yêu cầu Chị H cấp dưỡng nuôi con chung, còn trên thực tế Chị H cấp dưỡng như nào là do điều kiện của Chị H, anh không yêu cầu.

Về tài sản chung, nợ chung và các vấn đề khác trong quan hệ hôn nhân: Anh N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại đơn trình bày nguyện vọng ngày 11-3-2020 của cháu Đỗ Thị Quỳnh C và cháu Đỗ Duy Đ gửi Toà án trình bày các cháu là con của anh Đỗ Công N và chị Phạm Thị H. Nguyện vọng của cháu Chi muốn được ở cùng với Chị H,

nguyện vọng của cháu Đăng muốn được ở cùng với anh N và em gái, cháu Trâm nếu bố mẹ ly hôn đề nghị Toà án cho các cháu được ở theo nguyện vọng của mình.

Tại bản án số 22/2020/HNGĐ-ST ngày 23-6-2020 của Tòa án nhân dân huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định quyết định. Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình. Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử lý hôn giữa chị Phạm Thị H và anh Đỗ Công N.

2. Về con chung: Giao con chung là Đỗ Thị Quỳnh C, sinh ngày 13-11-2007 và Đỗ Quỳnh Tr, sinh ngày 14-4-2015 cho chị Phạm Thị H trực tiếp nuôi dưỡng; giao con chung là Đỗ Duy Đ, sinh ngày 02-9-2009 cho anh Đỗ Công N trực tiếp nuôi dưỡng. Hiện nay cháu Trâm và cháu Đăng đang ở cùng anh Nam; cháu Chi đang ở cùng Chị H tại thôn Xóm C, xã Y, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định. Anh N phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Trâm cùng Chị H mỗi tháng 1.490.000 (một triệu bốn trăm chín mươi nghìn) đồng kể từ khi ly hôn cho đến khi cháu Trâm trưởng thành, tự lập.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên án phí, quyền kháng cáo và biện pháp thi hành án của các đương sự.

Ngày 24-6-2020 anh Đỗ Công N là bị đơn trong vụ án có đơn kháng cáo toàn bộ bản án với nội dung: Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết, anh N không đồng ý ly hôn, đề nghị giao cháu Đỗ Thị Quỳnh Trâm và cháu Đỗ Duy Đ cho anh nuôi dưỡng, anh không yêu cầu Chị H phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, về quan hệ tình cảm, nuôi con chung. Anh Đỗ Công N vẫn giữ nguyên phần trình bày tại cấp sơ thẩm và đơn kháng cáo, các đương sự không thoả thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát tỉnh Nam Định phát biểu ý kiến: Về tố tụng, quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa đã tuân theo các quy định pháp luật tố tụng dân sự. Các đương sự chấp hành đúng các quy định pháp luật tố tụng dân sự, quyền lợi của các đương sự được bảo đảm.

Về nội dung của vụ án: Xét thấy mâu thuẫn giữa chị H và anh N đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận nguyện vọng xin ly hôn của Chị H là phù hợp với quy

định tại Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Về con chung hiện nay Chị H và anh N đều có mức thu nhập ổn định đảm bảo đủ điều kiện để chăm sóc và nuôi dưỡng con chung. Cháu Đỗ Thị Quỳnh C và cháu Đỗ Quỳnh Tr đều là con gái đang trong độ tuổi phát triển Tòa án cấp sơ thẩm giao cả hai con cho Chị H nuôi dưỡng, giao cháu Đỗ Duy Đ là con trai cho anh N nuôi dưỡng là hoàn toàn phù hợp với Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Do đó, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của anh Nam, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 BLTTDS giữ nguyên án sơ thẩm. Án phí giải quyết theo pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét đơn kháng cáo của anh Đỗ Công N làm trong thời hạn luật định phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 272; khoản 1 Điều 273; Điều 276 Bộ luật Tố tụng Dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận xem xét giải quyết.

[2] Xét kháng cáo của anh Đỗ Công N về việc anh không đồng ý ly hôn thấy rằng: Chị Phạm Thị H và anh Đỗ Công N kết hôn trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn ngày 05-01-2007 tại Ủy ban nhân dân xã Yên Tiến, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định nên được xác định là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn anh N và Chị H chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh N chơi bời, uống rượu với bạn bè hay về muộn nên giữa anh, chị không tìm được tiếng nói chung, thường xuyên bất đồng quan điểm, xảy ra va chạm cãi chửi nhau dẫn đến cuộc sống chung không có hạnh phúc, vợ chồng đã sống ly thân từ đầu năm 2020 cho đến nay mặc dù đã được hai bên gia đình hoà giải nhiều lần nhưng cuộc sống vợ chồng vẫn không có tiến triển gì. Anh N không muốn ly hôn nhưng anh cũng không có cách thức gì thuyết phục để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Xét mâu thuẫn vợ chồng giữa Chị H và anh N đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận nguyện vọng xin ly hôn của Chị H để giải phóng cho hai bên là phù hợp với quy định tại Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 như Tòa án cấp sơ thẩm đã nhận định là có căn cứ.

[3] Xét kháng cáo của anh Đỗ Công N về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có ba con chung cháu Đỗ Thị Quỳnh C, sinh ngày 13-11-2007; cháu Đỗ Duy Đ, sinh ngày 02-9-2009 và cháu Đỗ Quỳnh Tr, sinh ngày 14-4-2015. Tại phiên tòa phúc thẩm, anh N có nguyện vọng nuôi dưỡng hai con chung cháu Đỗ Thị Quỳnh Trâm và cháu Đỗ Duy Đ, anh đồng ý để cho Chị H nuôi dưỡng cháu Đỗ Thị Quỳnh C và không yêu cầu Chị H cấp dưỡng nuôi con chung cho anh. Chị H có nguyện vọng xin được nuôi dưỡng hai con chung là cháu Chi và cháu Trâm, để anh N nuôi dưỡng cháu Đăng, chị yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con

chung đối với cháu Trâm theo quy định của pháp luật mỗi tháng là 1.490.000 đồng. Xét thấy, chị H và anh N đều có chỗ ở, có nghề nghiệp thu nhập ổn định đều có đủ điều kiện chăm sóc và nuôi dưỡng con chung. Cháu Chi và cháu Trâm là con gái đang trong độ tuổi phát triển tâm sinh lý, nhất là cháu Trâm mới được hơn 5 tuổi rất cần có sự dạy bảo, chăm sóc của người mẹ để các cháu phát triển bình thường là chính đáng và phù hợp với quy định của pháp luật. Cấp sơ thẩm giao cháu Chi và cháu Trâm cho Chị H nuôi dưỡng là phù hợp với nguyện vọng của cháu Chi và giao cháu Duy Đăng cho anh N nuôi dưỡng là phù hợp và đảm bảo quyền lợi của anh N sau khi ly hôn. Chấp nhận yêu cầu của Chị H, buộc anh N phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Trâm cùng Chị H mỗi tháng 1.490.000 (một triệu, bốn trăm chín mươi nghìn) đồng kể từ khi ly hôn cho đến khi cháu Trâm trưởng thành, tự lập là phù hợp theo quy định tại các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình. Do vậy, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của anh Nam.

[4] Án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo của anh N không được chấp nhận nên anh N phải nộp 300.000đ.

[5] Những quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308; Điều 147; Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án :

Không chấp nhận kháng cáo của anh Đỗ Công N. Giữ nguyên án sơ thẩm.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử lý hôn giữa chị Phạm Thị H và anh Đỗ Công N.

2. Về con chung: Giao hai con chung cháu Đỗ Thị Quỳnh C, sinh ngày 13-11-2007 và cháu Đỗ Quỳnh Tr, sinh ngày 14-4-2015 cho chị Phạm Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến tuổi trưởng thành và có khả năng lao động tự lập được; Giao con chung cháu Đỗ Duy Đ, sinh ngày 02-9-2009 cho anh Đỗ Công N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến tuổi trưởng thành và có khả năng lao động tự lập được. Anh Đỗ Công N phải có nghĩa vụ đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi cháu Trâm cho Chị H mỗi tháng 1.490.000 (một triệu bốn trăm chín mươi nghìn) đồng kể từ khi ly hôn cho đến khi cháu Trâm trưởng thành. Chị H và anh N có quyền chăm sóc, thăm nom con nhưng không được lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con.

3. Nghĩa vụ bàn giao con: Buộc Đỗ Công N phải có trách nhiệm bàn giao con chung cháu Đỗ Quỳnh Tr, sinh ngày 14-4-2015 cho chị Phạm Thị H trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng.

4. Án phí dân sự sơ thẩm:

4.1. Chị Phạm Thị H phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng Chị H đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2015/0001330, ngày 11-02-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ý Yên, Chị H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4.2. Anh Đỗ Công N phải nộp 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con.

5. Án phí dân sự phúc thẩm: Anh Đỗ Công N phải nộp 300.000 đồng nhưng được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số AA/2015/0001465 ngày 03-7-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định. Anh N đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Nam Định;
- TAND huyện Ý Yên;
- Chi cục THADS huyện Ý Yên;
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu HS, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lại Văn Tùng